

## KẾ HOẠCH

### Chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn năm 2024

Thực hiện Công văn số 6074/BTTTT-CĐSQG ngày 06/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh; UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn năm 2024 như sau:

#### Phần I

#### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023

##### I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2023

Năm 2023, công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đã được tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, qua đó đã đạt được một số kết quả ban đầu quan trọng, tạo nền tảng để tổ chức triển khai thực hiện công cuộc chuyển đổi số của tỉnh trong giai đoạn tiếp theo (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

##### II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023

###### 1. Nhận thức số

###### 1.1. Ngày Chuyển đổi số

###### a) Kết quả đạt được

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 20/8/2023 của về tổ chức Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Đã triển khai tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức (CBCCV) và Nhân dân trên địa bàn tỉnh mục đích, ý nghĩa, tinh thần cũng như chủ đề của Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 gắn với các khẩu hiệu của Ngày chuyển đổi số 10/10. Các băng rôn khẩu hiệu tuyên truyền hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 được tuyên truyền trên các tuyến đường chính, cửa ngõ trên địa bàn thành phố, tại các trục đường chính, trung tâm xã, nơi đông dân cư đã tạo ra hiệu ứng tích cực đến người dân và doanh nghiệp, nâng cao vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số đối với cuộc sống nói riêng của mỗi người và sự phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội nói chung của đất nước với các khẩu hiệu:

- Chào mừng Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10.
- Khai thác dữ liệu số để tạo ra giá trị mới.
- Khai phá sức mạnh dữ liệu số, tiến vào tương lai chuyển đổi số.
- Sử dụng các ứng dụng công nghệ số trong học tập, làm việc và cuộc sống.

- Chuyển đổi số giải quyết các vấn đề của xã hội vì một cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân

Các cơ quan, đơn vị tích cực tuyên truyền Ngày chuyển đổi số quốc gia trên các trang thông tin điện tử và các trang mạng xã hội của cơ quan, đơn vị. Đồng thời, lồng ghép trong các buổi sinh hoạt, hội nghị, hội thảo để tuyên truyền sâu rộng đến mọi tầng lớp Nhân dân.

b) Hạn chế: còn một bộ phận CBCCVC và người dân chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của việc chuyển đổi số nói chung và Ngày Chuyển đổi số quốc gia nói riêng.

### ***1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số***

a) Kết quả đạt được

Triển khai gắn QR Code biển tên đường, phố, công trình công cộng và khu di tích danh thắng tỉnh Lạng Sơn nhằm cung cấp thông tin cho người dân, khách du lịch khi lưu thông, tham quan dễ dàng nắm và hiểu về lịch sử, văn hóa và công lao của người được đặt tên; đồng thời góp phần giáo dục, tuyên truyền các giá trị văn hóa, lịch sử, thể hiện sự văn minh, hiện đại, hướng đến kết nối thông tin đa chiều, từng bước ứng dụng công nghệ số vào các ngành, lĩnh vực của đời sống, kinh tế - xã hội. Đến nay đã hoàn thành triển khai gắn QR Code 100% tuyến đường, phố, công trình công cộng và khu di tích danh thắng trên địa bàn toàn tỉnh; đã có gần 11.000 lượt truy cập thông qua quét QR Code. Có khả năng nhân rộng mô hình chuyển đổi số tên đường ra các địa phương khác trên toàn quốc.

b) Hạn chế

Số lượng biển tên đường, phố nhiều, phức tạp. Hệ thống biển tên đường, phố được đầu tư từ lâu, nhiều lần bổ sung thay thế, đến thời điểm khảo sát lập dự án nhiều biển đã xuống cấp, không đồng bộ về kích thước. Do đó, thời gian triển khai bị kéo dài.

### ***1.3. Truyền thông về chuyển đổi số***

a) Kết quả đạt được

Tổ chức thành công Cuộc thi trắc nghiệm tìm hiểu về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn năm 2023 nhằm tuyên truyền sâu rộng, kịp thời đầy đủ về bản chất, nội dung, tầm quan trọng, lợi ích và những giá trị to lớn, thiết thực mà chuyển đổi số mang lại trong công tác quản lý, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Đồng thời, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hành động của các cấp, các ngành, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội. Cuộc thi trắc nghiệm tìm hiểu về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn năm 2023 diễn ra trong 04 tuần thi, đã có 54.898 tài khoản được lập trên hệ thống và có tổng số 424.810 lượt thí sinh dự thi và đã xác định được 44 thí sinh đạt giải cá nhân và 13 cơ quan, đơn vị đạt giải tập thể cuộc thi.

Cổng Thông tin điện tử của tỉnh gồm 01 Cổng chính và 246 Trang thông tin điện tử thành viên (21 sở, ban, ngành; 11 UBND cấp huyện; 14 cơ quan, đơn vị khác và 200 xã, phường, thị trấn). Cổng Thông tin điện tử tỉnh thường xuyên cung cấp, cập nhật thông tin theo đúng quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và DVCTT của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Cổng Thông tin điện tử tỉnh duy trì hoạt động ổn định, thường xuyên cập nhật tin, bài, văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh. Trang thông tin điện tử thành phần của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố cung cấp đầy đủ thông tin về công tác chỉ đạo, điều hành, TTHC, thông tin về quy hoạch, kế hoạch... Trong đó, Trang thông tin điện tử chuyên đổi số tỉnh Lạng Sơn (tại địa chỉ <http://sttt.langson.gov.vn>) đã cung cấp thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, cửa khẩu số trên địa bàn tỉnh. Đến nay có trên 3.100.000 lượt truy cập khai thác thông tin.

Kênh truyền thông “Chính quyền số tỉnh Lạng Sơn” trên zalo của tỉnh Lạng Sơn thường xuyên cập nhật tin tức về mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và lĩnh vực chuyển đổi số nói riêng. Trên kênh truyền thông “Chính quyền điện tử tỉnh Lạng Sơn” tích hợp các nền tảng như: DVCTT, khai báo y tế, app Công dân số Xứ Lạng, app trợ lý ảo... Đồng thời, kết nối với Kênh truyền thông "Chuyển đổi số quốc gia" trên Zalo và Trang thông tin điện tử Chuyển đổi số của tỉnh.

Ngoài ra, Chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Trang thông tin điện tử của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh được xây dựng từ tháng 4/2022, hoạt động định kỳ 1 số/1 tuần với các thông tin chính xác, nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo tính thời sự, đồng thời hướng dẫn các kiến thức, kỹ năng số, công nghệ số, chuyển đổi số phục vụ cho Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

#### b) Hạn chế

Trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của người dân không đồng đều, do đó việc truyền tải thông tin đến tất cả mọi người dân còn hạn chế.

## **2. Thể chế số**

### ***2.1. Ban hành Nghị quyết của cấp ủy và kế hoạch của cấp chính quyền về chuyển đổi số***

#### a) Kết quả đạt được

Tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TU, ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TU, ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đến nay, tỉnh đã hoàn thành 20/30 chỉ tiêu của mục tiêu đến năm 2025 đề ra tại Nghị quyết số 49-NQ/TU.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 247/KH-UBND ngày 14/12/2022 chuyển đổi số năm 2023 và nhiều văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đã ban hành tương đối đầy đủ hệ thống các văn bản chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện chuyển đổi số và quan tâm bố trí kinh phí, nguồn nhân lực để thực hiện chuyển đổi số.

#### b) Hạn chế

Vẫn còn một số cơ quan, đơn vị ban hành văn bản chưa kịp thời, đầy đủ để triển khai các nhiệm vụ của công tác chuyển đổi số.

Nhận thức của một bộ phận CBCCVC, người dân và doanh nghiệp còn chưa đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng, ý nghĩa của chuyển đổi số.

### **2.2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2023**

#### a) Kết quả đạt được

Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 42/KH-BCĐ ngày 22/02/2023 về hoạt động của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn năm 2023; Kế hoạch số 72/KH-BCĐ ngày 23/5/2023 về chuyển đổi số tỉnh triển khai mô hình tỉnh chuyển đổi số điển hình, thực hiện chuyển đổi số tổng thể và toàn diện năm 2023; Quyết định số 47/QĐ-BCĐ ngày 16/3/2023 về việc kiện toàn Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn.

Hàng quý, Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh đã tổ chức họp trực tuyến với Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số các huyện, thành phố để đánh giá kết quả công tác hàng quý, đồng thời đề ra phương hướng nhiệm vụ cho quý tiếp theo.

Trên cơ sở các kế hoạch đã ban hành, Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số quyết liệt, qua đó đã đạt được một số kết quả ban đầu quan trọng, tạo nền tảng để tổ chức triển khai thực hiện công cuộc chuyển đổi số của tỉnh trong giai đoạn tiếp theo. Theo công bố của Bộ Thông tin và Truyền thông thì kết quả xếp hạng chỉ số chuyển đổi số - DTI năm 2022 của tỉnh Lạng Sơn xếp thứ 06/63 tỉnh, thành phố; tỷ trọng kinh tế số của Lạng Sơn chiếm 12,52% GRDP của tỉnh, đứng thứ 12/63 tỉnh, thành phố. Bên cạnh đó, Lạng Sơn là một trong 05 tỉnh, thành phố dẫn đầu về mức độ lan tỏa ICT trong các ngành, hoạt động kinh tế khác; là 01 trong 07 cơ quan, đơn vị trong toàn quốc đạt giải thưởng “Cơ quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc” do Hội Truyền thông số Việt Nam tổ chức với Nền tảng trợ lý ảo giải pháp tự động trả lời về thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

#### b) Hạn chế

Nguồn nhân lực chất lượng cao về thông tin, truyền thông nói chung và chuyển đổi số nói riêng ở các cơ quan hành chính nhà nước còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng.

Việc kết nối chia sẻ dữ liệu dùng chung giữa các bộ, ngành trung ương và địa phương còn hạn chế.

Trình độ ứng dụng công nghệ thông tin để tiếp nhận chuyển đổi số, sử dụng dịch vụ công của người dân, doanh nghiệp còn hạn chế, chưa thực sự tham gia tích cực vào công cuộc chuyển đổi số.

### 3. Hạ tầng số

#### a) Kết quả đạt được

Đã xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023 - 2025 với mục đích phát triển hạ tầng số đáp ứng xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, phục vụ cho chuyển đổi số toàn diện của tỉnh Lạng Sơn. Nâng cao chất lượng phủ sóng di động 4G, từng bước triển khai phủ sóng mạng di động 5G. Phổ cập Internet băng rộng như một tiện ích thiết yếu, đặc biệt là khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Thúc đẩy chuyển dịch từ dịch vụ viễn thông cơ bản sang dịch vụ số.

Trong năm 2023 đã xem xét 60 vị trí đề xuất phát triển trạm BTS của các doanh nghiệp viễn thông, trong đó đã cho ý kiến tại 45 vị trí đủ điều kiện xây dựng trạm BTS, nâng tổng số vị trí trạm BTS hiện nay là 1.396 vị trí với 3.294 trạm. Trong đó đã xoá trắng sóng được 06 thôn<sup>1</sup>, xoá sóng yếu được 05 thôn<sup>2</sup>, ngoài ra các vị trí còn lại là mở rộng vùng phủ. Trên cơ sở số liệu khảo sát cuối năm 2022, đến thời điểm hiện tại trên địa bàn tỉnh còn 116 thôn, bản trắng sóng, 213 thôn sóng yếu.

Đến thời điểm hiện tại Viettel Lạng Sơn đã lắp đặt hoàn chỉnh thiết bị phát sóng 5G tại 05 vị trí, trong đó thực hiện phát sóng thử nghiệm 4 vị trí trên địa bàn thành phố. Khu vực các cửa khẩu triển khai sau khi kết thúc phát sóng thử nghiệm.

Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông thực hiện việc chuẩn hoá thông tin thuê bao đảm bảo chính xác, đồng thời hướng dẫn, tuyên truyền công tác rà soát, chuẩn hoá thông tin thuê bao trên địa bàn tỉnh đúng quy định. Đến nay, kết quả chuẩn hoá thông tin thuê bao trên địa bàn tỉnh cụ thể như sau: tổng số thuê bao cần chuẩn hoá 91.805 thuê bao, trong đó có 27.179 thuê bao đã chuẩn hóa, khóa 1 chiều là 26.334 thuê bao và khóa 2 chiều là 13.485 thuê bao.

Đến nay trên địa bàn tỉnh có 90% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh. Tỷ lệ hộ gia đình có đường truyền Internet cáp quang băng rộng đạt 75%.

b) Hạn chế: trên cơ sở số liệu khảo sát cuối năm 2022, đến thời điểm hiện tại trên địa bàn tỉnh còn 116 thôn, bản trắng sóng, 213 thôn sóng yếu.

### 4. Dữ liệu số

Triển khai kết nối thành công Cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về dân cư với Cổng dịch vụ công của tỉnh và cung cấp dịch vụ “xác thực thông tin công dân”. Việc triển khai kết nối thành công với CSDLQG về dân cư để khai thác

<sup>1</sup> Thôn Lũng Phầy - Khuổi Nà, xã Chí Minh; Thôn Nà Múc, xã Kim Đồng huyện Tràng Định; Thôn Khe Sen, thôn Khe Buông xã Lâm Ca, Thôn Khe Pặn Giữa, thôn Khe Pặn Ngọn xã Châu Sơn huyện Đình Lập.

<sup>2</sup> huyện Cao Lộc: Thôn Nà Râm, xã Xuất Lễ; thôn Bản giêng, xã Lộc Yên; huyện Bắc Sơn: Thôn Lân Cà - Lân Hoèn, xã Trăn Yên; huyện Văn Quan: thôn Bản Mù, xã Tú Xuyên; huyện Chi Lăng: Thôn Nà Hà, xã Chiên Thắng

các dịch vụ xác nhận số định danh cá nhân; thông tin hộ gia đình; tra cứu thông tin cá nhân; giúp người dân, doanh nghiệp không phải cung cấp các hồ sơ, giấy tờ cá nhân đã có trên CSDLQG về dân cư.

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) duy trì hoạt động ổn định kết nối, liên thông, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin. Đến thời điểm hiện tại đã kết nối chính thức được 14/17<sup>3</sup> hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành trung ương phục vụ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông, hiện còn 03/17 hệ thống đang thực hiện kết nối thử nghiệm. Ngoài ra, Trục LGSP cũng đã thực hiện tích hợp, kết nối liên thông, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo yêu cầu của các bộ, ngành trung ương<sup>4</sup>.

Kho dữ liệu số hoá của tỉnh được đầu tư, nâng cấp triển khai đồng bộ đến 100% các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã, kết nối liên thông với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh phục vụ công tác số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và tái sử dụng thông tin, kết quả giải quyết TTHC đã số hoá. Trong năm 2023 đã tổ chức 04 lớp tập huấn, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực lên Kho dữ liệu số hoá. Đến thời điểm hiện tại, tổng số hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực của các cơ quan, đơn vị đã thực hiện số hóa lên Kho dữ liệu số hóa của tỉnh là 669.974 hồ sơ/tổng số 732.908 hồ sơ giải quyết TTHC còn hiệu lực (đạt tỷ lệ 91,4%), trong đó cấp tỉnh 134.715/213.931 hồ sơ (đạt 63%); cấp huyện 81.711/97.081 hồ sơ (đạt 84,2%); cấp xã 453.548/453.548 hồ sơ (đạt 100%). Đã tổ chức 4 lớp tập huấn hướng dẫn sử dụng cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn.

## 5. Nền tảng số

### a) Kết quả đạt được

Hiện nay tỉnh đang duy trì vận hành 27 phần mềm, hệ thống thông tin cơ bản đang sử dụng tại các cơ quan nhà nước<sup>5</sup>.

Duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Lạng Sơn<sup>6</sup> phù hợp Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và triển khai áp dụng Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh đã được phê duyệt.

<sup>3</sup> Gồm: CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp; CSDLQG về dân cư; CSDLQG về bảo hiểm; CSDLQG về văn bản quy phạm pháp luật; CSDL đăng kiểm phương tiện; Hệ thống cấp Phiếu LLTP trực tuyến; Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch; Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam; Liên thông Tài nguyên Môi trường - Thuế; Hệ thống quản lý giao thông vận tải; Cổng dịch vụ công Bộ Xây dựng; Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; Hệ thống mã bưu chính Vpostcode;

<sup>4</sup> Tích hợp hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; tích hợp CSDL Tài nguyên nước và Khoáng sản (STNMT); kết nối HTTT/CSDL ngành Giáo dục và Đào tạo; tích hợp các API từ hệ thống chuyên ngành của Sở GDĐT; kết nối liên thông CSDL đất đai của tỉnh với CSDL đất đai quốc gia; kết nối CSDL Bộ Giao thông vận tải; kết nối CSDL đăng kiểm phương tiện với Nền tảng Cửa khẩu số; kết nối liên thông hệ thống Hộ tịch của Bộ Tư pháp (đối với các thủ tục về kết hôn, khai sinh, khai tử);

<sup>5</sup> Công văn số 3017/STTTT-CĐS ngày 08/12/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc khảo sát thông tin các phần mềm hệ thống thông tin cơ bản được sử dụng trong các cơ quan nhà nước.

<sup>6</sup> Tại Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

Tiếp tục duy trì triển khai Nền tảng điện toán đám mây Make-in-VietNam (Lang Son Cloud), từng bước đưa các hệ thống thông tin của các sở, ngành, địa phương về quản lý tập trung thống nhất tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.

Trung tâm thông tin chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh (IOC) tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, cung cấp, cập nhật số liệu thường xuyên, theo thời gian thực trên 09 lĩnh vực: giám sát điều hành kinh tế - xã hội; giám sát điều hành lĩnh vực y tế; cửa khẩu số; giám sát điều hành văn bản điện tử; giám sát điều hành giáo dục; giám sát lĩnh vực hành chính công; hệ thống camera giám sát; giám sát điều hành phản ánh kiến nghị; hệ thống giám sát mạng xã hội... Hiện nay, đã cấp 86 tài khoản sử dụng trên web và app cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố. Người sử dụng có thể theo dõi dữ liệu theo toàn tỉnh, theo đơn vị cấp huyện, theo lĩnh vực quản lý... Kết quả xử lý phản ánh kiến nghị của người dân và doanh nghiệp từ 01/01/2023 đến ngày 30/11/2023: có tổng số 236 phản ánh kiến nghị, trong đó 190 phản ánh kiến nghị đã xử lý, 18 phản ánh kiến nghị đang xử lý, 25 phản ánh kiến nghị từ chối xử lý.

Phần mềm quản lý hồ sơ CBCCVC được triển khai nâng cấp đảm bảo đáp ứng 109 trường thông tin theo yêu cầu của Bộ Nội vụ về kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với CSDLQG về CBCCVC. Đến thời điểm hiện tại, tổng số hồ sơ CBCCVC được cập nhật trên hệ thống phần mềm là 28.133 hồ sơ.

Triển khai Trợ lý ảo (Chatbot) hỗ trợ, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp tra cứu, thực hiện giải quyết TTHC/DVCTT; tích hợp bộ câu hỏi/trả lời về các tình huống liên quan đến TTHC trên Hệ thống thông tin giải TTHC của tỉnh. Trong năm 2023 có 23.749 lượt hỏi - trả lời, lũy kế có 412.473 lượt hỏi - trả lời của người dân, doanh nghiệp, độ chính xác khoảng 99,8%.

#### b) Hạn chế

Đến thời điểm hiện tại trên địa bàn tỉnh còn 116 thôn, bản trắng sóng, 213 thôn sóng yếu, do đó gây khó khăn cho việc triển khai các nền tảng số đến với mọi người dân. Việc kết nối chia sẻ dữ liệu dùng chung giữa một số nền tảng số của địa phương với các bộ, ngành Trung ương còn hạn chế, nhất là việc chia sẻ dữ liệu với Nền tảng cửa khẩu số.

### **6. Nhân lực số**

#### a) Kết quả đạt được

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 30/12/2022 của HĐND tỉnh quy định chế độ hỗ trợ đối với CBCCVC thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023 - 2025, với mục đích hỗ trợ đối với CBCCVC thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, giúp tăng thu nhập cho CBCCVC, đồng thời tạo cơ chế huy động nguồn lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao sẵn sàng tham gia vào công cuộc chuyển đổi số, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với UBND các huyện, thành phố thực hiện hướng dẫn rà soát, kiện toàn ban hành Quyết định thành lập 1.658 Tổ công nghệ số cộng đồng với 9.042 thành viên. Mỗi

thôn/tổ dân phố thành lập tối thiểu 01 Tổ công nghệ số cộng đồng. Thành phần Tổ công nghệ số cộng đồng ít nhất 05 thành viên do Trưởng thôn/Tổ trưởng dân phố là Tổ trưởng, Bí thư Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh làm Tổ phó, các đồng chí Công an xã chính quy (mỗi đồng chí Công an xã chính quy là 01 thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng), đoàn viên thanh niên và cá nhân khác có lòng nhiệt tình hoạt động cộng đồng, có kỹ năng sử dụng nền tảng số, công nghệ số, có khả năng tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số. Tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số, đưa công nghệ số đến mọi người dân để người dân được tiếp cận công nghệ theo cách đơn giản, tự nhiên, xuất phát từ nhu cầu và tạo ra giá trị thiết thực.

Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với UBND các huyện, thành phố tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng. Đến nay đã hoàn thành 11/11 huyện thành phố tổ chức tập huấn.

Tổ chức 01 lớp tập huấn bồi dưỡng công tác an toàn thông tin; 01 lớp tập huấn quản lý sử dụng chứng thư số chuyên dùng Chính phủ trong công tác quản lý và điều hành của các cơ quan nhà nước; 01 lớp quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước với trên 220 học viên. Tổ chức 4 lớp tập huấn hướng dẫn sử dụng Kho dữ liệu số hóa cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn với 1.000 học viên.

Kiện toàn Tổ chuyên đổi số thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo để tham mưu triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyên đổi số; hỗ trợ CBCCVC ngành giáo dục và đào tạo trong việc sử dụng và khai thác các nền tảng số; hỗ trợ xử lý các sự cố thông thường liên quan đến máy tính, phần mềm máy tính, mạng internet và các thiết bị CNTT. 100% các đơn vị khối Phòng Giáo dục và Đào tạo, trường THPT, trung tâm GDTX có cán bộ phụ trách về CNTT và đội ngũ cốt cán về CNTT. Nhiều đơn vị đã phát huy tốt vai trò của đội ngũ cốt cán về ứng dụng CNTT, nâng cao chất lượng hiệu quả ứng dụng CNTT trong dạy, học và quản lý giáo dục.

Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho 100% cán bộ một cửa của các cơ quan, đơn vị khai thác dịch vụ xác thực, tra cứu thông tin công dân trên CSDLQG về dân cư phục vụ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC.

#### b) Hạn chế

Nguồn nhân lực chất lượng cao về thông tin, truyền thông nói chung và chuyên đổi số nói riêng ở các cơ quan hành chính nhà nước còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng.

### **7. An toàn thông tin mạng**

#### a) Kết quả đạt được

Công tác bảo đảm an toàn thông tin được triển khai theo mô hình 4 lớp (lực lượng tại chỗ, giám sát chuyên nghiệp, độc lập kiểm tra, kết nối với hệ thống giám sát quốc gia). Thông qua hệ thống phòng chống mã độc tập trung toàn tỉnh (hệ thống SOC), toàn bộ máy chủ và máy trạm được cài đặt nền tảng



phòng chống mã độc tập trung toàn tỉnh được kiểm soát và thông báo hàng tuần để các cơ quan, đơn vị có phương án xử lý khắc phục kịp thời.

Trong năm 2023, tổ chức 01 cuộc Diễn tập thực chiến An toàn thông tin tỉnh Lạng Sơn; thực hiện kiểm tra, hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng tại 15 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Qua đó, đoàn kiểm tra đã phát hiện nhiều lỗ hổng bảo mật và đã hướng dẫn các cơ quan đơn vị trong công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Các nền tảng, hệ thống thông tin trước khi triển khai chính thức đều được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin, đến thời điểm hiện tại đã phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ 3 được 12 hệ thống.

#### b) Hạn chế

Nguồn nhân lực chất lượng cao về thông tin, truyền thông nói chung và an toàn an ninh mạng nói riêng ở các cơ quan hành chính nhà nước còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng.

### **8. Chính quyền số**

#### a) Kết quả đạt được

100% cơ quan hành chính nhà nước ở cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã duy trì sử dụng hiệu quả Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (VNPT-iOffice) để xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đồng thời thực hiện ký số văn bản điện tử, liên thông gửi lên trực liên thông (không gửi văn bản giấy; trừ văn bản mật). Đến thời điểm hiện tại có 20.480 tài khoản sử dụng<sup>7</sup> (gồm cấp tỉnh, huyện, xã). Việc sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã tạo thuận lợi cho CBCCVG giải quyết công việc nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, chi phí và đạt hiệu quả cao trong công việc. Tính từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 30/11/2023, toàn tỉnh có 363.614 văn bản đi, 2.203.598 văn bản đến trên hệ thống<sup>8</sup>.

Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh hoạt động hiệu quả, đảm bảo thông tin liên lạc, chất lượng âm thanh, hình ảnh rõ nét, tổ chức các cuộc họp nhanh, kịp thời, tiết kiệm thời gian và chi phí<sup>9</sup>. Ngoài ra, một số cơ quan, đơn vị đã triển khai hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của ngành<sup>10</sup>.

Ứng dụng chứng thư số, chữ ký số được triển khai đến 100% cơ quan nhà nước của tỉnh từ cấp tỉnh đến cấp xã. Trong năm 2023 đã cấp mới được 2.170 Chứng thư số cho tổ chức và cá nhân (trong đó: 48 chứng thư số cho tổ chức; 2.122 chữ ký số cho cá nhân); 290 Sim ký số. Lũy kế đến thời điểm hiện tại đã cấp được 24.815 chứng thư số cho tổ chức và cá nhân, trong đó: 1.758 chứng thư số cho tổ chức, 23.057 chữ ký số cho cá nhân, 531 Sim ký số, đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin mạng trong gửi, nhận thông điệp điện tử, văn bản

<sup>7</sup> Tăng so với năm 2022 là 480 tài khoản.

<sup>8</sup> Văn bản đi: cấp tỉnh 69.765, cấp huyện 163.371, cấp xã 130.478; văn bản đến: cấp tỉnh 349.596, cấp huyện 979.356, cấp xã 874.646.

<sup>9</sup> năm 2023 có 229 cuộc họp trực tuyến giảm 75 cuộc so với năm 2022.

<sup>10</sup> Như: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Thanh tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Lạng Sơn, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn...

điện tử và chứng thực điện tử. Các cơ quan, đơn vị đã ứng dụng hiệu quả chữ ký số được cấp, đáp ứng kịp thời nhu cầu cấp thiết của cơ quan trong việc bảo đảm xác thực và bảo mật thông tin, 100% văn bản điện tử gửi đi được thực hiện ký số, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, tiết kiệm chi phí, tạo môi trường làm việc hiện đại, góp phần tích cực trong cải cách hành chính và nâng cao hiệu quả công việc, tăng tính công khai, minh bạch trong quản lý điều hành công việc.

Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh được duy trì hoạt động ổn định, 100% CBCCVC trong các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đều được cấp hộp thư điện tử công vụ phục vụ trao đổi công việc; mở rộng đến các đơn vị sự nghiệp, cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội, số tài khoản thư điện tử đã cấp cho các cơ quan đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh là 36.571 tài khoản<sup>11</sup>. Tỷ lệ CBCCVC thường xuyên sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc đạt trên 85%.

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) được duy trì hoạt động ổn định, đến thời điểm hiện tại đã triển khai cung cấp được 1.527 DVCTT, trong đó có 441 DVCTT một phần, 1.086 DVCTT toàn trình, còn 279 DVC chưa cung cấp trực tuyến (do chưa đáp ứng điều kiện triển khai theo quy định). Ngoài ra, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh được kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia để thực hiện tích hợp, đồng bộ dữ liệu đối với 1.706 TTHC; cung cấp, công khai 1.327 DVCTT (349 DVCTT một phần; 978 DVCTT toàn trình); tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia (Payment Platform) phục vụ nhu cầu thanh toán phí/lệ phí trong giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp. Từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 30/11/2023, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã tiếp nhận 358.319 hồ sơ, trong đó tiếp nhận trực tiếp 18.419 hồ sơ (chiếm 5,14%), tiếp nhận trực tuyến 339.900 hồ sơ (đạt 94,86%); đã giải quyết 356.896 hồ sơ, trong đó giải quyết trước hạn và đúng hạn 353.378 hồ sơ (đạt 99,01%), giải quyết chậm hạn 3.518 hồ sơ (chiếm 0,99%).

Cổng Thông tin điện tử của tỉnh gồm 01 Cổng chính và 246 Trang thông tin điện tử thành viên (21 sở, ban, ngành; 11 UBND cấp huyện; 14 cơ quan, đơn vị khác và 200 xã, phường, thị trấn). Cổng Thông tin điện tử tỉnh thường xuyên cung cấp, cập nhật thông tin theo đúng quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và DVCTT của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Cổng Thông tin điện tử tỉnh duy trì hoạt động ổn định, thường xuyên cập nhật tin, bài, văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh. Trang thông tin điện tử thành phần của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố cung cấp đầy đủ thông tin về công tác chỉ đạo, điều hành, TTHC, thông tin về quy hoạch, kế hoạch... Trong đó, Trang thông tin điện tử chuyên đổi số tỉnh Lạng Sơn (tại địa chỉ <http://stttt.langson.gov.vn>) đã cung cấp thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, cửa khẩu số trên địa bàn tỉnh. Đến nay có trên 3.100.000 lượt truy cập khai thác thông tin.

<sup>11</sup> Tăng 1.886 tài khoản so với năm 2022.

#### b) Hạn chế

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh vẫn còn một số lỗi cần tinh chỉnh, khắc phục để phục vụ tốt hơn công tác chỉ đạo điều hành của các cơ quan đơn vị trong thời gian tới.

- Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố chưa được cập nhật kinh phí hoạt động.

### **9. Kinh tế số**

#### a) Kết quả đạt được

Kinh tế số được đẩy mạnh và triển khai rộng khắp các lĩnh vực kinh tế. Kinh tế số nông nghiệp nông thôn tiếp tục duy trì phát triển nhanh và bền vững.

Đến 30/11/2023, Lạng Sơn có 20.984 sản phẩm được đưa lên sàn thương mại điện tử, đứng thứ 02 toàn quốc; có 48.920 giao dịch thành công, đứng thứ 04 toàn quốc. Có 228.099 số hộ sản xuất nông nghiệp được đào tạo kỹ năng số, tỷ lệ hộ sản xuất nông nghiệp được đào tạo kỹ năng số/hộ gia đình đạt 93%<sup>12</sup>.

Triển khai nền tảng Công dân số Xứ Lạng: đến ngày 25/11/2023 đã cài đặt được 644.850 tài khoản (đạt 136% kế hoạch, chỉ tiêu 80% dân số). Trong đó: tài khoản Công dân số Xứ Lạng 240.278 tài khoản; tài khoản thanh toán điện tử: 266.962 tài khoản; tài khoản mua/bán trên sàn thương mại điện tử: 238.482 tài khoản (PostMart 186010 tài khoản, Voso 52.472 tài khoản).

Đến 30/11/2023, trên toàn tỉnh có 1.692 điểm cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử và nạp rút tiền mặt do VNPT và Viettel cung cấp, trong đó VNPT cung cấp 41 điểm, Viettel cung cấp 1.651 điểm; trên 90% điểm kinh doanh cố định có dịch vụ thanh toán điện tử qua QR Code.

Theo công bố của Bộ Thông tin và Truyền thông, Lạng Sơn có tỷ trọng kinh tế số chiếm 12,52% GRDP của tỉnh, đứng thứ 12/63 tỉnh, thành phố. Bên cạnh đó, Lạng Sơn là một trong 05 tỉnh, thành phố dẫn đầu về mức độ lan tỏa ICT trong các ngành, hoạt động kinh tế khác.

Việc phát triển kinh tế số đã thay đổi hoàn toàn nhận thức, cách làm truyền thống của người dân, hộ gia đình về tiêu thụ sản phẩm trên không gian số, sàn thương mại điện tử, mở rộng không gian tiêu thụ sản phẩm ra toàn quốc.

#### b) Hạn chế

Trình độ công nghệ số của người dân chưa đồng đều, đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa khi tiếp cận với các nền tảng công nghệ số còn lúng túng, việc tuyên truyền, triển khai thực hiện phát triển kinh tế số còn gặp khó khăn.

### **10. Xã hội số**

#### a) Kết quả đạt được

<sup>12</sup> Theo thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông tại địa chỉ: <https://tmdt.mic.gov.vn/bao-cao-thong-ke>

Hoàn thành triển khai gắn QR Code 100% tuyến đường, phố, công trình công cộng và khu di tích danh thắng trên địa bàn toàn tỉnh. Đến nay, đã có gần 11.000 lượt truy cập thông qua quét QR Code.

Ngày 03/7/2023, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh đã tổ chức Lễ công bố cấp chữ ký số miễn phí cho người dân sử dụng nộp hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC. Đến nay đã cấp được 4.329 chữ ký số (Trong đó, VNPT cấp được 2.403 chữ ký số, Viettel cấp được 1.926 chữ ký số).

Triển khai 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện kết nối với bệnh viện tuyến trên phục vụ khám chữa bệnh qua nền tảng công nghệ số; 100% trung tâm y tế huyện/thành phố triển khai triển khai ứng dụng Tư vấn khám chữa bệnh từ xa tại tuyến y tế cơ sở; 100% bệnh viện tuyến tỉnh, huyện kết nối liên thông với Bảo hiểm xã hội; 100% cơ sở khám chữa bệnh công lập hoàn thành triển khai kê đơn thuốc điện tử theo quy định tại Thông tư số 27/2021/TT-BYT ngày 20/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định kê đơn thuốc bằng hình thức điện tử; trên 95% người dân được lập hồ sơ sức khỏe điện tử. Bước đầu hình thành Cơ sở dữ liệu về sức khỏe người dân của Sở Y tế.

Tiếp tục triển khai, nâng cấp Phần mềm quản lý trường học trực tuyến đáp ứng quy định kỹ thuật về dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kết nối trao đổi dữ liệu từ phần mềm quản lý trường học với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử, trong đó có sổ đăng bộ, sổ điểm, học bạ; triển khai ứng dụng CNTT kết nối, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với nhà trường, khuyến khích áp dụng các giải pháp trao đổi thông tin miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website giáo dục. Hiện nay, có 671 trường đang sử dụng phần mềm quản lý nhà trường, trong đó có 301 trường sử dụng phần mềm VNEDU<sup>13</sup>; 370 trường sử dụng phần mềm SMAS<sup>14</sup>.

Hiện nay, 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế các huyện, thành phố đã triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt. Bên cạnh đó, ngành giáo dục đã triển khai thu học phí và các loại hình dịch vụ không dùng tiền mặt; đến nay có 644 trường đã ký hợp đồng sử dụng phần mềm hỗ trợ công tác thanh toán không dùng tiền mặt; 634 trường học sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

#### b) Hạn chế

Trình độ ứng dụng CNTT để tiếp nhận chuyển đổi số, sử dụng dịch vụ công của người dân, doanh nghiệp còn hạn chế, chưa thực sự tham gia tích cực vào công cuộc chuyển đổi số.

### **11. Cửa khẩu số**

Nền tảng cửa khẩu số tiếp tục duy trì hoạt động ổn định. Từ ngày 01/01/2023 - 25/11/2023, 100% các doanh nghiệp đã khai báo trực tuyến trên Nền tảng cửa khẩu số trước khi phương tiện đến cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị,

<sup>13</sup> 92 trường mầm non, 80 trường tiểu học, 27 trường TH-THCS, 77 trường THCS, 18 trường THPT, 07 trung tâm GDTX.

<sup>14</sup> 144 trường mầm non, 103 trường tiểu học, 37 trường TH-THCS, 72 trường THCS, 12 trường THPT, 02 trung tâm GDTX.

cửa khẩu Tân Thanh và được xử lý trên Nền tảng cửa khẩu số. Số phương tiện đã được xử lý trên Nền tảng cửa khẩu số là 306.206 phương tiện<sup>15</sup>. Nền tảng cửa khẩu số đã 27 lần nâng cấp để phù hợp với tình hình thực tế tại cửa khẩu. Đến nay, Nền tảng cửa khẩu số đã chạy ổn định, đa số các doanh nghiệp thành thạo khai báo thông tin trực tuyến và đã có hơn 1.865 doanh nghiệp đăng ký tài khoản trên Nền tảng cửa khẩu số.

## **12. Kinh phí thực hiện**

Danh mục các nhiệm vụ, dự án triển khai trong năm 2023 tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này.

## **Phần II NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2024**

### **I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

- Luật Công nghệ thông tin năm 2006;
- Luật An toàn thông tin mạng năm 2015;
- Luật Giao dịch điện tử năm 2023;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và DVCTT của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

<sup>15</sup> Trong đó cửa khẩu: quốc tế Hữu Nghị có 58.923 phương tiện xuất và 143.416 phương tiện nhập, Tân Thanh có 64.068 phương tiện xuất và 39.799 phương tiện nhập.

- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh;

- Chỉ thị số 26-CT/TU ngày 17/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2020 - 2025;

- Nghị quyết số 49-NQ/TU, ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 60-NQ/TU, ngày 15/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2019 - 2025;

- Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND tỉnh phê duyệt cập nhật kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Lạng Sơn, phiên bản 2.0 (năm 2022);

- Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

- Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 10/9/2020 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

- Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh về số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025;

- Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025;

- Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TU, ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

## **II. MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH**

### **1. Mục tiêu chung**

Phát triển chính quyền số có toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số, có mô hình hoạt động được thiết kế lại và vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, để có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số của tỉnh, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội.

Từng bước hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 49-NQ/TU, ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và cửa khẩu số, ưu tiên nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu quan trọng thuộc các Chương trình, Chiến lược của Quốc gia về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Tái cấu trúc hạ tầng CNTT, chuyển đổi hạ tầng CNTT thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định, hiệu quả.

Tiếp tục phấn đấu, duy trì chỉ số DTI nằm trong top 10 tỉnh/thành phố dẫn đầu về chuyển đổi số; tiếp tục triển khai đô thị thông minh tại tỉnh.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.1. Chính quyền số**

- Tỷ lệ DVCTT toàn trình, một phần có phát sinh hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đạt 90%.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết qua DVCTT toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đạt 80%.

- 100% DVCTT toàn trình được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- 95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 85% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% các hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan hành chính nhà nước thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.

- 70% cơ quan nhà nước có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.

- 25% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Tối thiểu 70% đơn vị cấp xã có hệ thống thông tin truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ số, nền tảng số.

- Tiếp tục duy trì 100% các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước hoạt động trên nền tảng điện toán đám mây của tỉnh (Lạng Sơn Cloud).

- 100% cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước có trợ lý ảo hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức trong môi trường làm việc.

## **2.2. Kinh tế số**

- Phần đầu kinh tế số chiếm từ 15% GRDP của tỉnh.

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu trên 02%.

- Phần đầu năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 07%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có cửa hàng số cho người mua và người bán giao dịch trên nền tảng thương mại điện tử đạt trên 70%.

- Phần đầu tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 07%.

- Duy trì tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.

- Duy trì tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 100%.

## **2.3. Xã hội số**

- Phần đầu tỷ lệ hộ gia đình có đường truyền Internet cáp quang băng rộng đạt 80%.

- Phần đầu tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại di động thông minh đạt 90%.

- Phần đầu tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 73%.

- 100% người dân và doanh nghiệp được Trợ lý ảo hỗ trợ thực hiện TTHC, sử dụng DVCTT của tỉnh.

- 100% các trường học có ứng dụng công nghệ số trong công tác dạy học và hoạt động quản lý. 100% trường học, cơ sở giáo dục sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí.

- 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện kết nối với bệnh viện tuyến trên phục vụ khám chữa bệnh qua nền tảng công nghệ số. 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế huyện, thành phố triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt. Phần đầu đạt trên 95% người dân tỉnh Lạng Sơn có Hồ sơ sức khỏe điện tử.

## **2.4. Cửa khẩu số**

- 100% các phương tiện vận tải, doanh nghiệp, thương nhân xuất nhập khẩu hàng hóa được cung cấp dịch vụ số trên một nền tảng cửa khẩu số.

- 100% các cơ quan, đơn vị có liên quan sử dụng Nền tảng cửa khẩu số trong quản lý phương tiện, hàng hóa luân chuyển qua cửa khẩu.

- 100% các hoạt động kiểm tra, giám sát của lãnh đạo tỉnh, các sở, ngành liên quan sử dụng một nền tảng cửa khẩu số.



- Nền tảng cửa khẩu số phải ứng dụng các công nghệ số hiện đại như điện toán đám mây (Cloud), dữ liệu lớn (Bigdata), trí tuệ nhân tạo (AI).

### **2.5. Bảo đảm an toàn thông tin**

- 100% hệ thống thông tin được xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- Tối thiểu 90% thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ.

- 100% người đứng đầu của các đơn vị, tổ chức nhà nước (trực thuộc cơ quan) được tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo đảm an toàn thông tin.

- 100% CBCCVN được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin.

- 100% cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước được đào tạo, bồi dưỡng về an toàn thông tin.

- Duy trì và nâng cấp hệ thống SOC theo mô hình 4 lớp để bảo đảm an toàn, an ninh cho các hệ thống thông tin của tỉnh.

## **III. NHIỆM VỤ**

### **1. Nhận thức số**

#### **1.1. Ngày Chuyển đổi số**

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và điều kiện thực tế của tỉnh, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024 bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tuyệt đối không phô trương, hình thức, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, phù hợp với mục đích, ý nghĩa, tinh thần cũng như Chủ đề của Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024.

#### **1.2. Truyền thông về chuyển đổi số**

Chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tuyên truyền, hướng dẫn đến từng CBCCVN, các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

Duy trì và nâng cấp chuyên trang, chuyên mục về chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Báo Lạng Sơn, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và các phương tiện thông tin đại chúng để chia sẻ, lan tỏa các câu chuyện thành công, tôn vinh gương điển hình tiên tiến trong chuyển đổi số.

Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền, vận động người dân hưởng ứng, tham gia tiến trình chuyển đổi số của tỉnh; phát huy vai trò liên kết về chuyển đổi số giữa các cơ quan nhà nước với các tổ chức, doanh nghiệp, hội, hiệp hội để tạo hiệu ứng lan tỏa trong xã hội.

### **2. Thể chế số**

- Rà soát, ban hành đầy đủ các văn bản để chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện công tác chuyển đổi số trên địa bàn.

- Duy trì, cập nhật Khung kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai từ tỉnh đến cơ sở để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

### **3. Hạ tầng số**

- Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh theo tiêu chuẩn Tier-3.

- Triển khai nền tảng điện toán đám mây (Lạng Sơn Cloud) sử dụng nền tảng Make in VietNam.

- Đầu tư trang thiết bị cơ sở hạ tầng ứng dụng cửa khẩu số của tỉnh.

- Triển khai mạng 5G tại khu đô thị, khu vực cửa khẩu, thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số.

- Huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng nền tảng số, phát triển hạ tầng viễn thông 3G/4G phủ sóng đến 98% thôn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hạ tầng internet cáp quang băng rộng phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Phối hợp với các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ số hàng đầu của Việt Nam để đầu tư, phát triển nền tảng, ứng dụng công nghệ số hiện đại, tiên tiến dựa trên Nền tảng điện toán đám mây (Cloud), dữ liệu lớn (Bigdata), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), ưu tiên triển khai cho các lĩnh vực quản lý hành chính, giáo dục, y tế, tài nguyên môi trường, nông nghiệp, giao thông, cửa khẩu...

- Phát triển nền tảng số ứng dụng trên các thiết bị di động, cho phép người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong chính quyền số, kinh tế số, xã hội số mọi lúc, mọi nơi.

- Phát triển và vận hành hạ tầng mạng chuyên dùng ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối 03 cấp hành chính từ tỉnh đến xã trên cơ sở Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, mạng diện rộng của tỉnh, mạng internet băng rộng để phục vụ chuyển đổi số.

- Nâng cấp hệ thống máy móc, trang thiết bị tại Bộ phận Một cửa các cấp đảm bảo đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

### **4. Dữ liệu số**

- Triển khai xây dựng Kho dữ liệu dùng chung (Data Lake) phục vụ phân tích, dự báo hỗ trợ quá trình ra quyết định của tỉnh.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý các ngành: Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng.

- Duy trì, phát triển Công khai thác dữ liệu mở, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP); thực hiện kết nối, liên thông, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành trung ương.

- Chuẩn hóa dữ liệu số, xây dựng, thiết kế lại quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước dựa trên nền tảng số; thực hiện quy trình giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, lưu trữ hồ sơ điện tử của các cơ quan nhà nước trên môi trường số theo quy định.

### **5. Nền tảng số**

- Xây dựng Nền tảng số quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản.
- Xây dựng Nền tảng số quản lý tài sản công tập trung.
- Triển khai xây dựng Nền tảng danh tính số.
- Xây dựng Nền tảng số dùng chung các ngành: Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông (bản đồ số).

### **6. Nhân lực số**

- Xây dựng các kế hoạch, chương trình đào tạo kỹ năng số cho CBCCVN:
  - + Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho CBCCVN về bồi dưỡng kiến thức chuyên đổi số, bồi dưỡng quản trị mạng nội bộ và bảo mật, an toàn, an ninh thông tin, quản trị Công/Trang thông tin điện tử, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, kiến trúc chính quyền điện tử.
  - + Tổ chức hội nghị, hội thảo về chuyên đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, an toàn thông tin.
- Thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho Tổ Công nghệ số cộng đồng.

### **7. An toàn thông tin mạng**

- Duy trì và nâng cấp hệ thống Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC); mở rộng phạm vi, nâng cao chất lượng, mức độ giám sát và bảo vệ cho 100% hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị. Áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (TCVN 11930:2017).
- Xác định cấp độ an toàn thông tin và tổ chức triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Thường xuyên rà soát, cập nhật để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.
- Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.
- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/CNTT tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các CBCCV, người lao động và người dân.

- Triển khai Kế hoạch của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025”: tăng cường tổ chức, tham gia các hoạt động liên quan đến bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng; nâng cao nhận thức và từng bước trang bị kỹ năng số cho trẻ em trên địa bàn, tổ chức các lớp dạy kiến thức, kỹ năng cho cha mẹ và trẻ em ngoài trường học trên địa bàn có nhận thức và kỹ năng cơ bản tự bảo vệ mình trên môi trường mạng.

- Giám sát, phát hiện và công bố hành vi vi phạm quy định pháp luật của Việt Nam trên các nền tảng số thuộc phạm vi quản lý; giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

- Tổ chức triển khai đầy đủ các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức phổ biến, quán triệt hai nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng và hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng.

## **8. Chính quyền số**

- Duy trì hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung của tỉnh phục vụ giải quyết công việc như: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến... đồng bộ, thống nhất đến 100% các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh; quản lý, vận hành, duy trì hoạt động ổn định các hệ thống thông tin, nền tảng số chuyên ngành do đơn vị phụ trách, kết nối liên thông, đồng bộ dữ liệu với các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung của tỉnh qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh.

- Tiếp tục triển khai chứng thư số cá nhân và cơ quan, tổ chức cho các đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã, các tổ chức chính trị xã hội. Tiếp tục triển khai tích hợp chữ ký số vào các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh (hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thư điện tử, cổng thông tin điện tử, dịch vụ công trực tuyến...) nhằm bảo đảm tính pháp lý và trao đổi văn bản, tài liệu an toàn trên môi trường mạng; mở rộng triển khai ứng dụng chữ ký số trên các nền tảng di động để thuận lợi cho người sử dụng.

- Duy trì Hệ thống thông tin báo cáo kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục triển khai, nâng cấp Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, cập nhật thông tin, theo dõi, phân tích số liệu theo thời gian thực từ các nền tảng số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền.

- Triển khai có hiệu quả các hoạt động chuyển đổi số gắn kết chặt chẽ với chương trình cải cách hành chính. Tiếp tục triển khai cung cấp DVCTT toàn trình và một phần theo chỉ đạo của Chính phủ; tích hợp cổng thanh toán trực tuyến; tích hợp Cổng dịch vụ công quốc gia; tích hợp giải pháp xác thực điện tử tập trung; số hóa các kết quả giải quyết TTHC, đồng thời tăng cường số hóa hồ sơ của các tổ chức, công dân.

- Duy trì và nâng cấp App Lạng Sơn Smart phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền và kênh tương tác với người dân và ngược lại người dân, doanh nghiệp tương tác với chính quyền.

- Rà soát xây dựng ban hành lại các quy chế liên quan đến Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và các trang thành viên theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

## **9. Kinh tế số**

Tiếp tục duy trì, đẩy mạnh triển khai kinh tế số, phát triển cửa hàng số và tài khoản thanh toán điện tử cho hộ gia đình, nâng cao đời sống vật chất cho người dân, thay đổi tư duy, phương thức, quy trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa theo cách làm truyền thống, giúp cho hộ gia đình ứng dụng công nghệ số trong tiêu thụ sản phẩm nông sản, chuyển đổi việc mua bán trên nền tảng công nghệ số.

Triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số vào trong quản lý, quy trình sản xuất, phát triển sản phẩm từ ứng dụng công nghệ số.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, điều hành, chuyển đổi phương thức hoạt động trong các thành phần của nền kinh tế; trọng tâm là ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain) và dữ liệu lớn (Bigdata) phục vụ phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu số cho lãnh đạo các cấp, các ngành điều hành kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng, phát triển thị trường thương mại số phát triển bền vững, ứng dụng rộng rãi sàn thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; xây dựng hạ tầng số và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử; ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt trong cộng đồng.

## **10. Xã hội số**

Đẩy mạnh phát triển xã hội số, phổ cập dịch vụ Internet băng thông rộng đến hộ gia đình và phủ sóng di động 4G/5G; khuyến khích doanh nghiệp triển khai nền tảng thanh toán điện tử, ví điện tử.

Xây dựng kế hoạch, lộ trình số hóa cơ sở dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực của tỉnh; xây dựng hình ảnh, văn hóa con người Lạng Sơn thân thiện, văn minh và có trách nhiệm trên không gian mạng.

Tiếp tục triển khai việc tiếp nhận phản ánh hiện trường và xử lý thông tin của Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành tỉnh Lạng Sơn.

Phổ cập kỹ năng số, khuyến khích, hướng dẫn người dân sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà. Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là DVCTT và dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại. Khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi người dân được học tập, nghiên cứu mọi lúc, mọi nơi, mọi thời điểm.

Tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội. Trước hết, giúp người dân biết cách sử dụng DVCTT, mua, bán các sản phẩm, dịch vụ qua mạng, thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng các dịch vụ số thiết yếu phục vụ cuộc sống, áp dụng các giải pháp an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để tự bảo vệ mình và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng...

Tiếp tục chỉ đạo ngành giáo dục và đào tạo xây dựng hệ thống quản lý ứng dụng công nghệ số trong quản lý, dạy và học.

### **11. Cửa khẩu số**

Tiếp tục nâng cấp Nền tảng Cửa khẩu số thông minh quản lý tổng thể và toàn diện hoạt động xuất nhập khẩu, cải cách hành chính, tự động hóa quy trình, giảm thiểu thời gian cho doanh nghiệp tham gia xuất nhập khẩu; đồng bộ việc quản lý, kiểm tra, giám sát về phương tiện, hàng hóa. Áp dụng các công nghệ số hiện đại như AI, Bigdata, Cloud; xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung, kết nối/chia sẻ dữ liệu qua Trục liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) phục vụ công tác quản lý tổng thể và toàn diện hoạt động xuất nhập khẩu, tự động hóa quy trình, giảm thời gian cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu thực hiện các thủ tục tại cửa khẩu.

## **IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp**

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong CBCCVN và Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Thực hiện nhiều hình thức thông tin tuyên truyền như: xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tọa đàm, hội thảo, các chương trình truyền hình, các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi về các kế hoạch, hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học; xây dựng/ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; xây dựng/ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân.

## **2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp**

- Phối hợp doanh nghiệp bưu chính công ích cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp); tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số...

- Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách TTHC với phát triển Chính quyền số; rà soát các TTHC, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; rà soát loại bỏ một số TTHC, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

- Chuẩn hóa kiến thức cho cán bộ chuyên trách CNTT các cơ quan nhà nước theo khung chương trình bồi dưỡng về ứng dụng CNTT và an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về CNTT do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

- Tăng cường phối hợp với các tập đoàn CNTT lớn đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nâng cao, chuyên sâu về CNTT cho CBCCVC của tỉnh.

- Thực hiện tinh chỉnh các hệ thống dùng chung của tỉnh đảm bảo đạt hiệu quả.

## **3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ**

- Triển khai nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền số, nền kinh tế số, xã hội số, từng bước xây dựng đô thị thông minh.

- Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với một số tỉnh, thành phố về cơ chế, chính sách phát triển chính quyền số. Chủ động hợp tác với các Tập đoàn viễn thông và CNTT để triển khai hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại.

## **4. Thu hút nguồn lực CNTT**

- Thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích đào tạo CBCCVC được cử đi đào tạo sau đại học và thu hút người có trình độ chuyên môn cao về công tác tại tỉnh tại Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1807/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh ban hành danh mục, trình độ chuyên ngành khuyến khích đào tạo CBCCVC được cử đi đào tạo sau đại học và thu hút người có trình độ chuyên môn cao về công tác tại tỉnh Lạng Sơn”.

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ CNTT.

- Ưu tiên bố trí đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu, nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ của tỉnh.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng CNTT và truyền thông.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

### **5. Tăng cường hợp tác quốc tế**

Chủ động hợp tác quốc tế về chuyển đổi số, tổ chức hội thảo, xây dựng chương trình hợp tác, huy động nguồn lực, đào tạo cán bộ, chuyên gia trong lĩnh vực chuyển đổi số, học tập kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ số, nhất là với các đối tác chiến lược có trình độ khoa học công nghệ tiên tiến và có chương trình ký kết, thỏa thuận hợp tác với tỉnh; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

## **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; các nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án liên quan; nguồn huy động từ các nguồn tài trợ, viện trợ, xã hội, cộng đồng và các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh có trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; định kỳ trước ngày 30 của tháng cuối quý báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan báo chí truyền thông triển khai công tác thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng thông tin điện tử/Trang thông tin điện tử, mạng xã hội và các hình thức phù hợp khác để các cấp, các ngành, đông đảo người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia thực hiện.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục của Kế hoạch.

### **2. Văn phòng UBND tỉnh**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục triển khai Trung tâm Thông tin chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh đảm bảo mục tiêu, yêu cầu đề ra.

- Triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số phục vụ công tác báo cáo, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh.



- Duy trì, phát triển hệ thống thông tin báo cáo bảo đảm kết nối, tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; duy trì thuê hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan rà soát, xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản liên quan đến Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thành viên bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

- Chủ trì triển khai nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh và hướng dẫn, tập huấn, chuyển giao Trang thông tin điện tử thành viên cho các sở, ban, ngành.

- Duy trì, phát triển hệ thống Công báo điện tử của tỉnh.

### **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; chủ trì hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

### **4. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **5. Sở Nội vụ**

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng, bổ sung các tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào quy định xác định chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục đôn đốc các cơ quan, đơn vị cập nhật cơ sở dữ liệu về CBCCVC trên hệ thống phần mềm quản lý hồ sơ CBCCVC tỉnh Lạng Sơn.

### **6. Sở Công Thương**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy thương mại điện tử, phát triển thương mại số, chuyển đổi số ngành Công Thương, đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn, đưa các sản phẩm nông nghiệp của bà con nông dân buôn bán, cung cấp hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử.

### **7. Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn**

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc duy trì, phát triển Nền tảng cửa khẩu số của tỉnh.

### **8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn**

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tích cực thực hiện công tác chuyển đổi số theo định hướng phát triển của ngành, Hội sở; tăng cường phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai áp dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán số.

### **9. Cục Thuế tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 53/KH-BCĐ ngày 25/3/2022 của Ban Chỉ đạo triển khai hóa đơn điện tử về triển khai áp dụng hóa đơn điện tử trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

### **10. Công an tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh.

### **11. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố**

- Trên cơ sở Kế hoạch này chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện tại cơ quan, đơn vị mình trước ngày 31/12/2023.

- Chủ động nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện chuyển đổi số tại ngành, cấp mình; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cơ quan, đơn vị.

- Tăng cường tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của ngành, địa phương trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục của Kế hoạch, các chương trình, dự án đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng quy định.

- Chủ trì, thúc đẩy việc sử dụng hóa đơn điện tử, gắn với phát triển kinh tế số, phổ cập chữ ký số trong xã hội.

- Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này về Sở Thông tin và Truyền thông định kỳ hàng quý để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

### **12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh**

Tuyên truyền, vận động Nhân dân, đoàn viên, hội viên tham gia tích cực vào việc chuyển đổi số; tổ chức phản biện xã hội, lấy ý kiến góp ý của Nhân dân trên địa bàn đối với các nội dung phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

### **13. Đề nghị các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông - công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh**

- Chủ động triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ về phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số của Kế hoạch này.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ lõi, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thí điểm các giải pháp, công nghệ mới, mô hình mới ứng dụng cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

## **VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN**

Danh mục các nhiệm vụ, dự án đề xuất triển khai trong năm 2024 tại Phụ lục III kèm theo.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UB MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo LS, Công TTĐT tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Các doanh nghiệp BC, VT, CNTT;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CV, TT PVHCC, TT TT;
- Lưu: VT, KGVX(HTHT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Xuân Huyền**